

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 18-3-2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thạch Thị Lan Nhung

2. Bà Ngô Thị Luân

- **Thư ký pH tòa:** Ông Phan Trọng Th – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia pH tòa:** Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 343/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn pH tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Ngọc H, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Số 55 Quang Trung, tổ dân phố S, thị trấn ĐV, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. **Bị đơn:** Anh Điều Chính Th, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Điều Chính H1, sinh năm: 1955; bà Nguyễn Thị Minh X, sinh năm: 1954. Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị H, anh Th và ông H1 có mặt còn bà X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc H trình bày: Chị và anh Điều Chính Th xây dựng gia đình với nhau năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã Phi Tô, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng hay cãi nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Do không thể tiếp tục chung sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Chị H xác định không còn tình cảm với anh Th nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Điều Chính Th. Về con chung chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là Điều Chính Lợi, sinh ngày 01/3/2010 và Điều Chính Phát, sinh ngày 11/11/2012. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phát, giao cháu Lợi cho anh Th nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị H xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Điều Chính Th trình bày: Anh xây dựng gia đình với chị Bùi Thị Ngọc H năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phi Tô, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến nay vợ chồng đã ly thân được 03 năm. Anh Th xác định chỉ đồng ý ly hôn khi chị H đồng ý giao cả hai con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Về con chung anh Th xác định có 02 con chung là Điều Chính Lợi, sinh ngày 01/3/2010 và Điều Chính Phát, sinh ngày 11/11/2012. Khi ly hôn anh Th yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh Th xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung anh Th xác định vợ chồng có nợ bố mẹ anh là ông Điều Chính H1 và bà Nguyễn Thị Minh X số tiền 740.000.000đồng, khi ly hôn anh Th yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên cho ông H1, bà X là 370.000.000đồng. Ngoài ra, anh Th không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điều Chính H1, bà Nguyễn Thị Minh X trình bày: Ông bà là bố mẹ ruột của anh Điều Chính Th, chị Bùi Thị Ngọc H là con dâu của ông bà. Quá trình chị H anh Th chung sống thì ông bà có vay Ngân hàng Eximbank để đầu tư cho anh Th, chị H làm ăn kinh tế riêng với số tiền 740.000.000đồng. Đến nay ông bà đã trả hết số tiền trên cho Ngân hàng, nếu anh Th chị H không ly hôn thì ông bà không có yêu cầu gì nhưng nay chị H anh Th ly hôn thì anh Th là người trực tiếp ở với ông bà, chăm sóc ông bà nên ông bà không yêu cầu anh Th phải trả tiền còn ông bà yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả cho ông bà 370.000.000đồng.

Tòa án đã tiến hành mở pH họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Th và bà X vắng mặt nên không hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo kết quả pH họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự vắng mặt nhưng không ai có ý kiến gì nên Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia pH tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại pH tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ

đúng trình tự pH tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, **đương sự có mặt tại pH tòa đã chấp hành đúng nội quy pH tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự**. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Th. Về con chung đề nghị giao cả hai con cho anh Th có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Điều Chính H1 và bà Nguyễn Thị Minh X. Về án phí: đề nghị buộc chị H phải chịu án phí theo quy định. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Điều Chính H1, bà Nguyễn Thị Minh X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngH cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại pH tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại pH tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh X đã được triệu tập hợp lệ tham gia pH tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bà X theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc H và anh Điều Chính Th đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 8 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Phi Tô, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân giữa chị H và anh Th được xác lập trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân giữa chị H và anh Th là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Tại pH tòa chị H xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm nên hay cãi nhau, ngoài ra do anh Th có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh chị đã nhiều lần nói chuyện để cải thiện tình cảm nhưng không được nên chị H yêu cầu được ly hôn. Còn anh Th cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn do không hợp nhau nhưng anh chỉ đồng ý ly hôn nếu chị H đồng ý giao cả hai con cho anh nuôi. Tại pH tòa, anh Th cũng xác định do anh cũng nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng hay cãi nhau, anh đồng ý ly hôn. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh Th do các đương sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống và chủ yếu do các đương sự không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm nhưng khi xảy ra mâu thuẫn thì các đương sự không tìm được cách hàn gắn tình cảm vợ chồng khiến cho mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng và đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh Th đều xác định không đồng ý ly hôn nhưng thực sự không phải do anh Th còn tình cảm với chị H mà do anh Th muốn chị H đồng ý giao cả hai con cho anh nuôi. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì vợ chồng mâu thuẫn do không hợp nhau nên đã ly thân không còn chung sống với nhau đã lâu. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56,

Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của chị H, xử cho chị H và anh Th được ly hôn.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Th có 02 con chung là Điều Chính Lợi, sinh ngày 01/3/2010 và Điều Chính Phát, sinh ngày 11/11/2012. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phát, giao cháu Lợi cho anh Th nuôi còn anh Th yêu cầu được nuôi cả hai con khi ly hôn. Đây là yêu cầu chính đáng của các đương sự tuy nhiên việc giao con cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng phải đảm bảo việc phát triển toàn diện của trẻ. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân thì cả hai con vẫn sống cùng anh Th, các cháu được đi học, phát triển bình thường. Về chỗ ở thì anh Th có chỗ ở ổn định hơn chị H, anh Th ở nhà cùng bố mẹ còn chị H ở nhà trọ. Hơn nữa cả cháu Lợi và cháu Phát đã trên 07 tuổi và cùng có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Tại pH tòa, chị H xác định nếu các con có nguyện vọng ở với bố khi bố mẹ ly hôn thì chị đồng ý giao cả hai con cho anh Th nuôi. Vì vậy, giao cả hai con cho anh Th có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung các đương sự cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị H xác định quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung còn anh Th xác định có nợ bố mẹ là ông Điều Chính H1, bà Nguyễn Thị Minh X số tiền 740.000.000đồng, khi ly hôn anh Th yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả cho ông H1, bà X $\frac{1}{2}$ số tiền trên là 370.000.000đồng. Ông H1, bà X có đơn yêu cầu độc lập, theo đó ông H1 bà X xác định trong thời gian chị H và anh Th chung sống thì ông bà có vay tiền của Ngân hàng Eximbank để cho chị H anh Th làm ăn kinh tế riêng, nay chị H anh Th ly hôn thì ông bà yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả lại cho ông bà số tiền 370.000.000đồng. Xét thấy, việc ông H1, bà X và anh Th cho rằng vay tiền của Ngân hàng cho anh Th chị H làm kinh tế riêng như đi mua đất, mua xe tải, xây chuồng heo và buôn gà nhưng chị H không thừa nhận việc trong thời gian chị và anh Th chung sống vợ chồng làm kinh tế riêng mà chị H cho rằng trong thời gian vợ chồng chung sống thì ở chung và làm ăn kinh tế chung với ông H1, bà X, mọi việc quản lý chi tiêu do ông H1, bà X quản lý, anh chị không có tài sản gì riêng. Khoản tiền 740.000.000đồng sau khi vay Ngân hàng về thì ông H1, bà X sử dụng 500.000.000đồng trả Ngân hàng khác, số còn lại thì cũng chi tiêu chung trong gia đình chứ chị không được chi tiêu riêng. Trong khi đó, ông H1, bà X và anh Th cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc chị H anh Th làm kinh tế riêng, không xuất trình được chứng cứ thể hiện việc anh Th, chị H vay tiền của ông H1, bà X. Đồng thời, tại pH tòa các đương sự cùng xác định khi chị H và anh Th ly thân từ năm 2021 thì chị H không lấy bất cứ tài sản gì mang theo. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu độc lập của ông H1, bà X về việc yêu cầu chị H phải trả số tiền 370.000.000đồng.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Yêu cầu độc lập của ông H1, bà X không được chấp nhận nên lẽ ra ông H1 bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông H1, bà X có đơn xin miễn nộp tiền án phí và xuất trình giấy chứng minh nhân dân thể hiện ông H1 sinh năm 1955, bà X sinh năm 1954, như vậy hiện nay ông H1, bà X đều đã trên 60 tuổi. Theo Điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông H1, bà X thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí. Do đó, cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông H1, bà X.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc H, xử cho chị Bùi Thị Ngọc H và anh Điều Chính Th được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao cả hai con là Điều Chính Lợi, sinh ngày 01/3/2010 và Điều Chính Phát, sinh ngày 11/11/2012 cho anh Điều Chính Th có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Chị Bùi Thị Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về nợ chung: Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Điều Chính H1, bà Nguyễn Thị Minh X về việc yêu cầu chị Bùi Thị Ngọc H phải trả số tiền 370.000.000đồng.

4/ Về án phí: Chị Bùi Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000111 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị H đã nộp đủ án phí.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Điều Chính H1, bà Nguyễn Thị Minh X.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại pH tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/3/2024), riêng các đương sự vắng mặt tại pH tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - chủ tọa pH tòa

Ngô Thị Luân

Thạch Thị Lan Nhung

Nguyễn Thị Như Quỳnh